

Bản án số: 574/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thu Ánh.
2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 249/2020/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/QĐST-HNGĐ ngày 05 ngày 10 tháng 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thúy N, sinh năm 1979; HKTT: đường L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường T, Phường P, Quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: đường L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Bùi Thị Thúy N và Ông Lê Văn B chung sống với nhau từ năm 2001. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 093, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2001. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Thúy V (nữ, sinh ngày: 10/11/1998) và Lê Thị Thúy L (nữ, sinh ngày 12/12/2005).

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 28/5/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Bùi Thị Thúy N – trình bày:

Trong quá trình chung sống, những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm khoảng 05 năm gần đây, chủ yếu do ông B hay uống rượu

bia, về nhà kiếm chuyện, gây lộn, đánh lộn làm ảnh hưởng đến con cái và hàng xóm. Mỗi lần ông B say rượu, bia là kiếm chuyện không cho vợ con nghỉ ngơi, mở nhạc lớn tiếng, bà N can ngăn thì ông B đòi đuổi hai mẹ con ra đường. Sau nhiều lần, bà N chịu không nổi nên đã cùng con gái chuyển tới phòng trọ để sinh sống.

Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông B không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn với nhau được nên bà N yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông B để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý, ổn định cuộc sống để chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Lê Thị Thúy V đã thành niên, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Thúy L, không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn - Ông Lê Văn B – tại các bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày:*

Ông thừa nhận lời khai của bà N là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh về mặt tình cảm, do ông B thường xuyên sử dụng bia, rượu và đánh vợ. Nhưng ông B đã không đánh vợ từ 06 năm trước. Ông B sử dụng rượu bia do kinh tế gia đình khó khăn, bà N thường xuyên mắng chửi ông. Ông B không muốn con không có cha, mâu thuẫn gia đình không lớn nên ông đề nghị được hòa giải đoàn tụ.

Ông B xác định còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Ông B không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn – Bà Bùi Thị Thúy N – giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện đã nêu và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn – Ông Lê Văn B – vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán còn chưa đảm bảo thời hạn trong việc gửi thông báo thụ lý cho bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Bùi Thị Thúy N.

+ Về con chung: Giao trẻ Lê Thị Thúy L cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Riêng trẻ Lê Thị Thúy V đã thành niên, muốn ở với cha, mẹ tùy ý nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Bùi Thị Thúy N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Lê Văn B, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Lê Văn B, sinh năm: 1975 hiện cư ngụ đường L, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Bùi Thị Thúy N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Ông B đã được Tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông B.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/8/2020 thì các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông B chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà N: Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông B trong thời gian 05 năm trở lại đây không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm. Do ông B thường xuyên sử dụng rượu bia, đánh vợ, gây ảnh hưởng đến cuộc sống không chỉ của vợ, con mà của cả hàng xóm. Bà N cùng con gái đã phải chuyển đi nơi khác sinh sống.

Ông B cũng thừa nhận mình có sử dụng rượu bia và đánh vợ nhưng mong được hòa giải đoàn tụ với bà N.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường D, Quận E: *“Trong thời gian chung sống ở địa phương Ông Lê Văn B thường xuyên uống rượu bia gây mất an ninh trật tự; Ngày 19/8/2019, Công an Phường D, Quận E đã lập biên bản, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ông Lê Văn B hành vi say rượu, bia gây mất trật tự công cộng, tổng số tiền là 200.000 đồng”.*

Căn cứ Biên bản ghi lời khai của ông B và bà N ngày 19/8/2019 thể hiện ông B đánh bà N.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên.

Do việc bà N yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Căn cứ kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường D, Quận E; Đơn xin tạm trú ngày 07/8/2020, Công an Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành

phố Hồ Chí Minh; Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/3/2020 giữa Công ty TNHH POUYUEN Việt Nam và bà Bùi Thị Thúy Nga; Biên bản lấy lời khai của trẻ tại Tòa án nhân dân Quận 11, trẻ Lê Thị Thúy L, sinh năm 2005 nêu nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì muốn được sống với mẹ.

Ông Lê Văn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Lê Thị Thúy V đã thành niên, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trẻ Lê Thị Thúy L hiện đang sống với mẹ, cuộc sống ổn định. Bà N là người có chỗ ở, việc làm và thu nhập, có khả năng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà N, ông B khai không có. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Bà N chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Bùi Thị Thúy N.

- Bà Bùi Thị Thúy N được ly hôn với Ông Lê Văn B. Giấy chứng nhận kết hôn số 093, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2001 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Thúy V (nữ, sinh ngày: 10/11/1998) và Lê Thị Thúy L (nữ, sinh ngày 12/12/2005);

Lê Thị Thúy V đã thành niên, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Giao con chung là Lê Thị Thúy L (nữ, sinh ngày 12/12/2005) cho Bà Bùi Thị Thúy N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Bùi Thị Thúy N không yêu cầu Ông Lê Văn B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015597 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà Bùi Thị Thúy N đã nộp đủ án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 11;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND Phường D, Quận E, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Diệp